



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT NHANH SKY VIỆT NAM
BẢNG BÁO GIÁ DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT NHANH

(Ban hành theo quyết định số: 02/2026/QĐ/SKYEXPRESS- Áp dụng từ ngày 20/01/2026)

(Bảng giá áp dụng đối với các bưu gửi nhận tại Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

1. Dịch vụ Phát Hỏa Tỏa (PHT)		Chưa bao gồm 15% Phụ phí xăng dầu và 8% VAT			
Trọng lượng(Kg)	Nơi đến - Trung tâm Thành phố các tỉnh				
	Nội Tỉnh	HN => HCM	Nội Miền	Cận Miền	Cách Miền
Đến 2kg	100,000	200,000	150,000	200,000	250,000
Mỗi 500gram tiếp theo	2,500	12,000	7,000	12,000	15,000
Thời gian toàn trình	3h	12h	12h - 24h	12h - 24h	24h - 48h
Khu vực		Phạm vi áp dụng			
- Cước phí cho những đơn hàng lớn hơn 2kg sẽ được tính = Giá 2kg đầu + giá mỗi kg tiếp theo. - Dịch vụ PHT chỉ áp dụng với các bưu gửi phát tại các phường của các tỉnh, thành phố. - Đối với dịch vụ CPN, PHT Trọng lượng quy đổi theo công thức: $(Dài * Rộng * Cao) / 6000 = Trọng\ lượng\ kg.$ - Luôn so sánh giữa trọng lượng thực và trọng lượng quy đổi, trọng lượng lớn hơn sẽ lấy làm trọng lượng tính cước					
2. Dịch vụ chuyển phát nhanh (CPN)		Chưa bao gồm 15% Phụ phí xăng dầu và 8% VAT			
Trọng lượng(Gram)	Nơi đến - Trung tâm Thành phố các tỉnh				
	Nội Tỉnh	HN => HCM	Nội Miền	Cận Miền	Cách Miền
Đến 50gr	9,300	12,100	11,600	12,000	13,200
Trên 50 - 100gr	10,450	16,170	15,700	18,000	19,800
Trên 100 - 250gr	12,100	25,410	21,400	25,410	27,900
Trên 250 - 500gr	17,300	32,900	29,400	42,890	47,200
Trên 500 - 1000gr	20,800	46,200	42,200	51,000	56,100
Trên 1000 - 1500gr	24,200	58,900	52,800	63,000	69,300
Trên 1500 - 2000gr	26,000	66,600	60,800	69,600	76,600
Mỗi 500gram tiếp theo	2,200	9,000	3,500	10,000	11,000
Thời gian toàn trình	8h	24h - 36h	24h	24h - 36h	24h - 48h
Khu vực		Phạm vi áp dụng			
- Cước phí cho những đơn hàng lớn hơn 2kg sẽ được tính = Giá 2kg đầu + giá mỗi kg tiếp theo. - Đối với các bưu gửi đi xa, đặc khu cộng thêm 25% giá cước, thời gian toàn trình cộng thêm từ 24 đến 48h - Đối với dịch vụ CPN, PHT Trọng lượng quy đổi theo công thức: $(Dài * Rộng * Cao) / 6000 = Trọng\ lượng\ kg.$ - Luôn so sánh giữa trọng lượng thực và trọng lượng quy đổi, trọng lượng lớn hơn sẽ lấy làm trọng lượng tính cước					
3. Dịch vụ chuyên phát 48h (P48H)		Chưa bao gồm 15% Phụ phí xăng dầu và 8% VAT			
Vùng Phát	Nơi đến (Trung tâm các tỉnh, TP)				
	HN => HCM	Cận Miền	Cách Miền		
Giá 2kg đầu	100,000	150,000		150,000	
Giá mỗi kg tiếp theo					
Trên 2kg đến 5kg	15,480	13,244		17,880	
Trên 5kg đến 10kg	14,760	12,720		17,040	
Trên 10kg đến 50kg	13,560	12,000		16,320	
Trên 50kg đến 200kg	12,600	11,160		15,000	
Trên 200kg trở lên	11,760	10,320		13,900	
Thời gian toàn trình	36h - 48h	36h - 48h		48h	
Vùng		Các Tỉnh thuộc vùng			
- Cước phí cho những đơn hàng lớn hơn 2kg sẽ được tính = Giá 2kg đầu + giá mỗi kg tiếp theo. Hàng trên 50kg tính đồng giá theo cước từng nấc cân.					

- Áp dụng cho đơn hàng tối thiểu có trọng lượng từ 2kg trở lên. Đơn hàng có trọng lượng < 2kg sẽ tính cước phí bằng cước phí cho đơn hàng tối thiểu 2kg
- Đối với các bưu gửi đi xã, đặc khu cộng thêm 25% giá cước, thời gian toàn trình cộng thêm từ 24 đến 48h
- Hàng hóa công kênh rọng lượng quy đổi theo công thức: (Dài * Rộng * Cao) / 3000 = Trọng lượng kg.
- Luôn so sánh giữa trọng lượng thực và trọng lượng quy đổi, trọng lượng lớn hơn sẽ lấy làm trọng lượng tính cước

2. Dịch vụ chuyển phát 60h (P60H) Chưa bao gồm 15% Phụ phí xăng dầu và 8% VAT

Vùng Phát	Nơi đến (Trung tâm các tỉnh, TP)		
	HN => HCM	Cận Miền	Cách Miền
Giá 2kg đầu	100,000	120,000	120,000
Giá mỗi kg tiếp theo			
Trên 2kg đến 5kg	12,900	11,037	14,900
Trên 5kg đến 10kg	12,300	10,600	14,200
Trên 10kg đến 50kg	11,300	10,000	13,600
Trên 50kg đến 200kg	10,500	9,300	12,500
Trên 200kg trở lên	9,800	8,600	11,583
Thời gian toàn trình	55h - 60h	60h - 72h	60h - 72h

Vùng Các Tỉnh thuộc vùng

- Cước phí cho những đơn hàng lớn hơn 2kg sẽ được tính = Giá 2kg đầu + giá mỗi kg tiếp theo. Hàng trên 50kg tính đồng giá theo cước từng nấc cân.
- Áp dụng cho đơn hàng tối thiểu có trọng lượng từ 2kg trở lên. Đơn hàng có trọng lượng < 2kg sẽ tính cước phí bằng cước phí cho đơn hàng tối thiểu 2kg
- Đối với các bưu gửi đi xã, đặc khu cộng thêm 25% giá cước, thời gian toàn trình cộng thêm từ 24 đến 48h
- Hàng hóa công kênh rọng lượng quy đổi theo công thức: (Dài * Rộng * Cao) / 3000 = Trọng lượng kg.
- Luôn so sánh giữa trọng lượng thực và trọng lượng quy đổi, trọng lượng lớn hơn sẽ lấy làm trọng lượng tính cước

5. Dịch vụ chuyển Tiết kiệm (RTK) Chưa bao gồm 15% Phụ phí xăng dầu và 8% VAT

Giá 2kg đầu	Nơi đến - Trung tâm Thành phố các tỉnh				
	Nội Tỉnh	HN => HCM	Nội Miền	Cận Miền	Cách Miền
Giá mỗi kg tiếp theo					
Trên 2kg đến 5kg	3,700	6,500	5,000	6,600	7,200
Trên 5kg đến 10kg	3,100	6,000	4,200	5,500	6,600
Trên 10kg đến 50kg	2,800	5,500	3,500	5,100	6,100
Trên 50kg đến 200kg	2,600	5,000	3,300	4,700	5,500
Trên 200kg trở lên	2,400	4,500	3,000	4,400	5,200
Thời gian toàn trình	48h	60h - 72h	60h - 72h	60h - 72h	60h - 72h

Vùng Các Tỉnh thuộc vùng

Ghi Chú:

- Cước phí cho những đơn hàng lớn hơn 2kg sẽ được tính = Giá 2kg đầu + giá mỗi kg tiếp theo. Hàng trên 50kg tính đồng giá theo cước từng nấc cân.
- Đối với các bưu gửi đi xã, đặc khu cộng thêm 20% giá cước, thời gian toàn trình cộng thêm từ 24 đến 48h
- Đối với dịch vụ Tiết kiệm trọng lượng quy đổi theo công thức: (Dài * Rộng * Cao) / 3000 = Trọng lượng quy đổi.
- Luôn so sánh giữa trọng lượng thực và trọng lượng quy đổi, trọng lượng lớn hơn sẽ lấy làm trọng lượng tính cước

6. Dịch vụ giá trị gia tăng (GTGT) Chưa bao gồm 8% VAT

Dịch vụ	Cước phí	Ghi chú
Phí COD	1.5% trị giá tiền thu hộ	Tối thiểu 15,000đ/ đơn, trị giá thu hộ không quá 20.000.000đ/ đơn hàng
Bảo hiểm	15% trị giá hàng hóa	Căn cứ theo hóa đơn của lô hàng
Khai giá	1.1% giá trị khai giá	Tối thiểu 15,000đ/ bill gửi.
Phát đồng kiểm	1,000 đ/ 1 sản phẩm	Tối thiểu 30,000đ/ 1 lần đồng kiểm
Phát tận tay, báo phát	5,000 đ/ 1 bưu gửi	Phát theo Căn cước công dân của khách hàng
Biên bản bàn giao	20,000 đ/ 1 vận đơn	

Hóa đơn tài chính	20,000d/ 1 hóa đơn			
Thu hồi biên bản	20,000d/ bill			
Giao hàng KCN	10,000d/ Bill			
Đóng gỗ	300,000/ kiện	Kiện có kích thước tối đa tổng 3 chiều không quá 150cm		
Đóng xốp	100,000d/ thùng	Kiện có kích thước tối đa tổng 3 chiều không quá 150cm		
Đóng carton	50,000d/ thùng			
Đóng Pallets	500,000d/ Palets			
Hàng nặng	Cước hàng quá khổ thu bằng 1.3 cước phí theo bảng giá áp dụng	Kiện hàng trên 30kg		
Hàng cồng kềnh	Cước hàng quá khổ thu bằng 1.3 cước phí theo bảng giá áp dụng	Tổng kích thước 3 chiều vượt quá 180cm, trong đó kích thước 1 chiều vượt quá 120cm		
Hàng dễ vỡ	Cước hàng quá khổ thu bằng 1.2 cước phí theo bảng giá áp dụng			
Bưu gửi đi hải đảo	Cước thu bằng 2 cước phí theo bảng giá áp dụng			
Phí giao hàng siêu thị	150,000d/bill			
Phí nâng hạ	500,000d/ lần			
Dịch vụ phát chủ nhật, ngày lễ	200,000d/ bill			
Thay đổi địa chỉ	Miễn cước	Địa chỉ mới cùng tỉnh, TP với địa chỉ cũ		
	Theo bảng giá đang áp dụng cho khách hàng	Địa chỉ mới khác tỉnh, TP với địa chỉ cũ		

Khu vực

Nội tỉnh
Nội Miền
Cận Miền
Liên Miền

Miền bắc

Miền Trung

Miền Nam

Mô tả

Điểm giao nhận trong cùng một tỉnh, thành phố
Điểm giao nhận trong cùng một miền (Miền bắc đi Miền bắc)
Điểm giao nhận thuộc hai miền cạnh nhau (Miền bắc - Miền Trung)
Điểm giao nhận thuộc hai miền cách nhau (Miền bắc - Miền Nam)

Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình.

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, tỉnh Lâm Đồng, thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế.

Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ.



Nguyễn Văn Lượng